



Tỉnh Hà Giang

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	3.103.453
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.189.590
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	823.190
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	320.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	23.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.913.863
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.391.810
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	778.754
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	270.415
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	87.600
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	37.523
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	522.053
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	522.053

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.





Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	3.927.365
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.827.710
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	596.810
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.200.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	26.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	4.900
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.099.655
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.062.609
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	466.542
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	83.646
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	156.475
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	975.600
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	37.046
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	20.510
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	16.536

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục II

GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	220.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	220.000
	Vốn trong nước	220.000



Tỉnh Cao Bằng

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.391.909
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.028.940
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	841.940
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	172.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	15.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.362.969
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.331.332
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	621.769
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	253.806
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	55.850
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.594.227
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	31.637
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	31.637

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	5.210.221
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.401.000
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	826.700
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	533.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	16.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	25.300
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.809.221
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.580.418
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	516.161
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	83.707
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	164.120
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.000.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	228.803
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	228.803

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục II

**GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	500.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	500.000
	Vốn trong nước	500.000



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.863.076
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.390.810
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	734.810
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.620.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	36.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.472.266
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.472.266
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	445.773
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	163.015
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	91.050
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	149.034

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.





Tỉnh Yên Bái

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	3.557.364
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.739.110
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	581.010
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.050.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	36.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	72.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.818.254
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.493.861
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	292.484
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	78.904
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	152.180
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	606.878
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	324.393
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	324.393

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	5.584.075
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.841.700
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	821.700
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	742.375
I	VỐN TRONG NƯỚC	671.130
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	169.778
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.918
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	184.255
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	240.403
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	71.245
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	71.245

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	2.266.146
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	669.280
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	443.280
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	200.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	6.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.596.866
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.500.889
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	373.970
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	83.399
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	95.420
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	431.134
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	95.977
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	95.977

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục II

**GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	1.000.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.000.000
	Vốn trong nước	1.000.000



Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	2.624.568
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.864.130
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	623.330
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.200.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	760.438
I	VỐN TRONG NƯỚC	660.783
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	204.648
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.068
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	275.060
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	99.655
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	81.443
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	18.212



Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	7.444.307
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.784.170
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	751.170
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	33.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	660.137
I	VỐN TRONG NƯỚC	653.044
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	184.924
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	50.310
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	219.825
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	7.093
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	7.093





Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	9.118.173
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.527.740
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	657.840
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.850.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	16.800
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	3.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	6.590.433
I	VỐN TRONG NƯỚC	6.370.258
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	345.880
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	53.233
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	123.085
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	5.200.903
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	220.175
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	220.175

Ghi chú:
(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.582.669
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.897.430
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	962.530
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	881.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	53.900
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.685.239
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.625.239
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	722.316
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	61.334
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	111.195
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.380.872
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	60.000
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	60.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Sơn La

Phụ lục II

GIAO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	1.700.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.700.000
	Vốn trong nước	1.700.000



Tỉnh Lai Châu

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	3.761.721
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	809.700
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	657.700
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	122.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.800
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	7.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.952.021
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.747.903
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	546.517
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	153.880
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	67.980
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.845.391
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	204.118
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	198.000
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	6.118

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tính Điện Biên

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	3.196.678
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	988.000
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	730.800
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	170.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	32.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	55.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.208.678
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.106.985
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	551.590
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	249.416
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	106.485
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	304.071
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	101.693
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	85.706
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	15.987

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Thành phố Hà Nội

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	87.130.263
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	72.706.990
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	29.846.990
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	42.500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	360.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	14.423.273
I	VỐN TRONG NƯỚC	12.362.739
	Trong đó:	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	12.362.739
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	2.060.534
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	2.060.534

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Thành phố Hải Phòng

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	25.440.605
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	24.981.360
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.189.960
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	18.050.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	50.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	2.691.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	459.245
I	VỐN TRONG NƯỚC	459.245



Tỉnh Quảng Ninh

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	11.906.177
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.348.290
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	5.796.290
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	52.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	557.887
I	VỐN TRONG NƯỚC	557.887



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	9.952.595
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.403.620
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	863.520
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.303.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	47.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	190.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	548.975
I	VỐN TRONG NƯỚC	437.035
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	111.940
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	111.940



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục II

**GIAO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	500.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	500.000
	Vốn trong nước	500.000



Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	28.781.567
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	28.563.840
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.040.840
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	27.500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	217.727
I	VỐN TRONG NƯỚC	217.727
	Trong đó:	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	86.127

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	6.898.370
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.748.370
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	3.925.370
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.800.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.150.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.000.000
	Trong đó:	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	250.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	150.000
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	150.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bắc Ninh

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	7.618.243
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.930.170
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.611.970
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.300.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	26.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	992.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	688.073
I	VỐN TRONG NƯỚC	688.073
	Trong đó:	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	493.101

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Hà Nam

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	10.664.980
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.664.980
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	546.980
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	10.100.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	18.000



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	8.041.644
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.763.400
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	770.400
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.950.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	43.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	278.244
I	VỐN TRONG NƯỚC	278.244
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.283
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	152.400



Tỉnh Ninh Bình

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	6.755.089
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.206.920
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.935.120
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.200.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	56.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	15.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	548.169
I	VỐN TRONG NƯỚC	440.699
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	107.470
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	107.470



Tỉnh Ninh Bình

Phụ lục II

GIAO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025

TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	3.000.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.000.000
	Vốn trong nước	3.000.000



Tỉnh Thái Bình

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	5.538.805
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.052.570
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	750.370
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.220.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	64.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	18.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	486.235
I	VỐN TRONG NƯỚC	431.235
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.099
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	151.870
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	55.000
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	55.000



Tỉnh Thái Bình

Phụ lục II

GIÁO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025

TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	5.700.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	5.700.000
	Vốn trong nước	5.700.000



Tỉnh Thanh Hóa

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	13.308.805
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.428.520
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.600.120
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	28.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	300.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.880.285
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.527.280
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	261.518
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	253.246
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	523.655
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	353.005
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	353.005





Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	10.003.954
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.254.670
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.393.070
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	36.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	325.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.749.284
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.305.922
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	615.214
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	161.549
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	346.085
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	513.737
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	443.362
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	419.157
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	24.205

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.556.534
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.707.030
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	654.830
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.650.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	19.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	383.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.849.504
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.083.780
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5.525
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.918
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	186.770
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	365.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	765.724
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	749.212
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	16.512

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Quảng Bình

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.471.440
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.825.330
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	443.230
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.048.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	82.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	252.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.646.110
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.419.654
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	199.747
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	14.370
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	154.755
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	226.456
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	226.456



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.393.819
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.541.470
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	439.570
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	900.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	45.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	156.900
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.852.349
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.183.854
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	155.562
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	64.954
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	93.970
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	713.612
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	668.495
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	668.495

Ghi chú:
(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.





Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục II

GIAO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	436.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	436.000
	Vốn trong nước	436.000



Tỉnh Thừa Thiên Huế

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.321.304
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.348.200
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	742.900
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.400.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	135.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	70.300
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	973.104
I	VỐN TRONG NƯỚC	801.112
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	98.253
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	12.000
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	92.545
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	171.992
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	171.992



Tỉnh Thừa Thiên Huế

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG TƯƠNG ỨNG VỚI NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
Tổng số	200.000
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	200.000
Vốn trong nước	200.000





Tỉnh Thừa Thiên Huế

Phụ lục II.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG TƯƠNG ỨNG
VỚI NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	Tổng số	200.000
	Các hoạt động kinh tế	200.000
	Giao thông	200.000



Phụ lục III

Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CHUNG TƯƠNG ỨNG
VỚI NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Giao, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 từ nguồn dự phòng, dự phòng chung tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau khi được giao, bổ sung	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				
	TỔNG SỐ		2.281.696	800.000	411.441	200.000	611.441	
	Tỉnh Thừa Thiên Huế		2.281.696	800.000	411.441	200.000	611.441	
I	Giao thông		2.281.696	800.000	411.441	200.000	611.441	
a	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C		2.281.696	800.000	411.441	200.000	611.441	
-	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		2.281.696	800.000	411.441	200.000	611.441	
(1)	Đường Nguyễn Hoàng và Cầu vượt Sông Hương	170; 23/12/2020 60; 16/7/2021 70; 14/7/2022	2.281.696	800.000	411.441	200.000	611.441	



Tỉnh Thừa Thiên Huế

Phụ lục IV

**GIÁO DỤ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2023
	TỔNG SỐ	200.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	200.000
	Vốn trong nước	200.000



Thành phố Đà Nẵng

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	8.720.597
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.844.170
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.199.170
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.400.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	245.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.876.427
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.876.427
	Trong đó:	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.644.586

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Quảng Nam

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	7.111.947
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.182.790
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.200.790
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	105.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	377.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.929.157
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.493.156
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	307.233
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	202.596
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	176.445
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	697.444
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	436.001
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	420.888
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	15.113

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	5.129.083
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.108.930
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.383.930
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	125.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.020.153
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.004.843
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	262.784
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	91.817
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	100.440
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	172.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	15.310
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	15.310

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục II

GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	200.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	200.000
	Vốn trong nước	200.000





Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	8.112.548
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.201.040
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	638.040
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.300.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	170.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	93.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	911.508
I	VỐN TRONG NƯỚC	741.213
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	109.634
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	47.490
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	107.900
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	219.717
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	170.295
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	170.295

Ghi chú:
(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bình Định

Phụ lục II

**GIAO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	300.000
	Vốn trong nước	300.000
		300.000



Tỉnh Phú Yên

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.317.602
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.769.120
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	458.420
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.018.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	170.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	122.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.548.482
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.378.875
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	77.446
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.370
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	88.220
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	169.607
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	161.091
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	8.516



Tỉnh Phú Yên

Phụ lục II

**GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	450.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	450.000
	Vốn trong nước	450.000



Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	9.165.925
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.828.340
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	3.129.640
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	315.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	1.383.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.337.585
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.300.336
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	78.366
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	69.765
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.345.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	37.249
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	37.249

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục II

GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021
	TỔNG SỐ	530.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	530.000
	Vốn trong nước	530.000



Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục III

GIAO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	400.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	400.000
	Vốn trong nước	400.000



Tỉnh Ninh Thuận

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	2.668.406
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.101.130
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	358.830
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	495.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	90.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	157.300
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.567.276
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.351.476
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	115.402
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	44.826
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	65.125
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	240.550
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	215.800
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	215.800

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bình Thuận

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.942.422
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.480.480
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	508.880
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	800.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.150.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	21.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.461.942
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.373.780
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	65.800
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	140.000
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	363.966
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	88.162
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	88.162

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	7.395.376
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.955.950
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	963.350
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.750.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	165.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	77.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.439.426
I	VỐN TRONG NƯỚC	4.044.024
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	395.321
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	91.071
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	164.605
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.041.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	395.402
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	395.402

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.

Tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục II

**GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021
	TỔNG SỐ	1.001.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.001.000
	Vốn trong nước	1.001.000



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Đắk Nông

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	3.387.092
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.009.240
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	460.440
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	460.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	48.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.377.852
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.116.239
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	281.125
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	80.549
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	116.565
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	318.622
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	261.613
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	248.199
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	13.414

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.





Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Gia Lai

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.435.707
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.497.720
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	953.520
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.250.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	190.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	104.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.937.987
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.856.228
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	368.916
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	48.379
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	291.875
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	208.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	81.759
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	72.692
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	9.067

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Kon Tum

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	2.434.977
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	982.090
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	552.690
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	340.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	82.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	7.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.452.887
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.446.569
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	430.755
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	111.760
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	79.990
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	296.602
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	6.318
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	6.318

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Lâm Đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	7.241.422
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.326.210
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	700.510
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.120.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	5.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.915.212
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.902.212
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	135.347
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.610
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	132.550
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.077.770
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	13.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	13.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	84.149.052
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	80.911.560
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	29.679.760
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	30.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.870.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	16.361.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.237.492
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.137.492
	Trong đó:	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	3.057.492
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	100.000
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	100.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục II

GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	1.368.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.368.000
	Vốn trong nước	1.368.000



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Đồng Nai

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	15.334.392
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.018.410
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.518.410
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.450.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.050.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	2.000.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.315.982
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.315.982
	Trong đó:	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.247.736

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.

Tỉnh Đồng Nai

Phụ lục II

GIAO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021
	TỔNG SỐ	436.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	436.000
	Vốn trong nước	436.000

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	15.595.360
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.463.270
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.960.070
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.420.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.180.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	903.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.132.090
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.550.731
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.624.111
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	581.359
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	581.359

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bình Dương

Phụ lục II

GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	4.000.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.000.000
	Vốn trong nước	4.000.000



Tỉnh Bình Phước

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	5.109.625
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.819.710
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	493.310
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	800.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.485.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	41.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.289.915
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.278.749
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	171.242
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.457
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	151.850
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.766.500
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	11.166
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	11.166

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bình Phước

Phụ lục II

GIAO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	9.770.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	9.770.000
	Vốn trong nước	9.770.000



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Tây Ninh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.506.905
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.056.760
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	585.360
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.260.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.190.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	21.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	450.145
I	VỐN TRONG NƯỚC	443.980
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.748
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	116.640
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	6.165
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	6.165



Tỉnh Tây Ninh

Phụ lục II

GIAO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	1.504.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.504.000
	Vốn trong nước	1.504.000



Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	13.836.449
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.274.110
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	6.324.110
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.950.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.562.339
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.562.339
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	3.522.339

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Long An

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	9.648.317
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8.092.870
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.322.870
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.170.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.555.447
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.555.447
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.918
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	224.540
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	831.697

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Tiền Giang

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	5.607.067
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.653.180
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	653.180
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	950.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.050.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.953.887
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.953.887
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.099
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	153.745



Tỉnh Tiền Giang

Phụ lục II
GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	910.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	910.000
	Vốn trong nước	910.000



Tỉnh Bến Tre

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	6.905.643
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.076.990
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	423.290
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	440.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.170.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	43.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.828.653
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.636.428
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	52.500
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	220.755
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	999.800
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.192.225
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.192.225

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Trà Vinh

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.262.927
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.288.240
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	661.540
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	350.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.212.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	64.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	974.687
I	VỐN TRONG NƯỚC	813.687
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	110.587
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.370
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	85.730
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	161.000
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	161.000



Tỉnh Vĩnh Long

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	5.839.268
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.857.910
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	599.610
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	480.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.140.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	638.300
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.981.358
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.201.358
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.038
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.457
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	127.870
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	733.635
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	780.000
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	780.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Thành phố Cần Thơ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	8.862.726
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.833.640
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.379.140
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.550.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.020.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	884.500
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.029.086
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.029.086
	Trong đó:	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.917.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Thành phố Cần Thơ

Phụ lục II

GIAO DƯ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022
	TỔNG SỐ	3.235.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.235.000
	Vốn trong nước	3.235.000





Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Hậu Giang

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.939.052
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.125.120
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	581.520
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.740.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	103.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.813.932
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.684.592
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	11.282
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.370
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	77.140
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.018.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	129.340
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	129.340

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.





Tỉnh Hậu Giang

Phụ lục II

GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021
	TỔNG SỐ	1.665.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.665.000
	Vốn trong nước	1.665.000



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Sóc Trăng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	7.836.061
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.496.070
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	886.170
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	370.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.235.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	4.900
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.339.991
I	VỐN TRONG NƯỚC	4.173.222
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	134.382
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	6.378
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	97.840
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.560.342
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	166.769
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	150.183
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	16.586

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Sóc Trăng

Phụ lục II

**GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021
	TỔNG SỐ	1.121.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.121.000
	Vốn trong nước	1.121.000



Tỉnh An Giang

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	8.519.915
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.139.920
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.416.220
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	518.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.100.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	105.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4.379.995
I	VỐN TRONG NƯỚC	4.319.993
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	37.757
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	46.834
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	214.935
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.445.527
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	60.002
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	60.002

Ghi chú:
(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh An Giang

Phụ lục II

**GIAO DỰ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự toán và kế hoạch năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021
	TỔNG SỐ	1.384.000
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.384.000
	Vốn trong nước	1.384.000



Tỉnh Đồng Tháp

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	7.197.384
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.666.890
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	966.890
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.100.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.530.494
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.530.494
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.464
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	127.775
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	894.560

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Kiên Giang

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	8.617.498
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.292.960
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.081.460
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.110.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	101.500
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.324.538
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.230.693
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	48.171
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	9.000
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	115.700
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	349.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	93.845
	Trong đó:	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	93.845

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.





Tỉnh Bạc Liêu

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	4.349.194
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.609.510
	Trong đó:	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	459.510
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	140.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.010.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.739.684
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.739.684
	Trong đó:	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	7.522
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.370
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	55.510
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	403.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ	6.328.679
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.327.930
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	715.030
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	550.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.050.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	12.900
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.000.749
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.758.074
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	41.923
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	20.457
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	129.965
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	242.675
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	233.209
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	9.466

